

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13-7-2020

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lô Thị Giang, nghề nghiệp: Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ xã Ea Phê.

2. Ông Nguyễn Đình Nghịch, nghề nghiệp: Cán bộ Hội khuyến tât và trẻ mồ côi
huyện Krông Pắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện
Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nguyên - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk
Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2020/TLST-
HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2020, giữa các đương
sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy H1, sinh năm 1984. - Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã Ea Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H2, sinh năm 1980. - Có mặt

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 2, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Ea K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại
phiên tòa, chị Lê Thị Thúy H1 trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Lê Văn H2 kết hôn trên cơ sở tình yêu tự
nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký
kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04-4-2011, theo
giấy chứng nhận kết hôn số 78/2011, quyển số I/2010.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình cả hai không hòa hợp. Anh H2 không quan tâm đến gia đình mà còn có những lời lẽ đe dọa xúc phạm đối với tôi. Bản thân anh H2 còn có mối quan hệ lãng nhăng bên ngoài. Tôi đã nhiều lần bỏ qua cho anh nhưng anh vẫn không thay đổi.

Xét hôn nhân giữa tôi với anh Lê Văn H2 không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn H2. Nguyên vọng của tôi là đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

- *Về con chung*: Giữa tôi với anh Lê Văn H2 có 02 con chung là cháu Lê Hoàng H3, sinh ngày 07-9-2013 và cháu Lê Hoàng H4, sinh ngày 09-4-2016. Hiện các cháu H3, H4 còn nhỏ đang sống cùng với tôi. Nay vợ chồng ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Hoàng H3 và Lê Hoàng H4 cho đến khi các cháu H3, H4 đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung*: Tôi không yêu cầu anh Lê Văn H2 phải cấp dưỡng tiền nuôi các cháu Lê Hoàng H3 và Lê Hoàng H4 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

* *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Văn H2 trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi nhất trí với ý kiến mà chị Lê Thị Thúy H1 nêu trên. Tuy nhiên, nay chị H1 làm đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H1 với tôi được ly hôn thì tôi không đồng ý. Đề nghị Tòa án hòa giải cho chúng tôi quay về đoàn tụ, bản thân tôi vẫn còn yêu thương vợ và để vợ chồng cùng nhau chăm lo giáo dục con chung.

- *Về con chung*: Nhất trí như chị H1 nêu là quá trình chung sống giữa tôi với chị Lê Thị Thúy H1 có 02 con chung là cháu Lê Hoàng H3, sinh ngày 07-9-2013 và cháu Lê Hoàng H4, sinh ngày 09-4-2016. Hiện các cháu còn nhỏ. Do tôi không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ để chăm lo, giáo dục con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Do tôi không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, về nợ chung.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, công khai chứng cứ, hòa giải đối với toàn bộ vụ án tuy nhiên chị Lê Thị Thúy H1 và anh Lê Văn H2 không thống nhất được với nhau. Cụ thể: chị Lê Thị Thúy H1 vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh Lê Văn H2 còn anh Lê Văn H2 thì đề nghị đoàn tụ, quay

về chung sống với nhau. Vì vậy, căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Thúy H1 vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh Lê Văn H2 còn anh Lê Văn H2 không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thúy H1 được ly hôn với anh Lê Văn H2.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Hoàng H3, sinh ngày 07-9-2013 và cháu Lê Hoàng H4, sinh ngày 09-4-2016 cho chị Lê Thị Thúy H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu H3, H4 tròn 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Thúy H1 không yêu cầu anh Lê Văn H2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Lê Thị Thúy H1 và anh Lê Văn H2 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H2. Anh Lê Văn H2 có hộ khẩu thường trú tại thị trấn P, huyện K và hiện ở tại thôn T, xã Ea K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2020 của chị Lê Thị Thúy H1, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện: Chị Lê Thị Thúy H1 làm đơn xin được ly hôn với anh Lê Văn H2. Hội đồng xét xử thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương xã Ea K theo biên bản xác minh ngày 18 tháng 6 năm 2020 (BL 36) và Hội liên hiệp phụ nữ xã Ea K theo biên bản xác minh ngày 19 tháng 6 năm 2020 (BL 35) cùng các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ thể hiện: Chị Lê Thị Thúy H1 với anh Lê Văn H2 kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04-4-2011, theo giấy chứng nhận kết hôn số 78/2011, Quyền số I/2010. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình cả hai không hòa hợp. Anh H2 không quan tâm đến gia đình mà còn có những lời lẽ đe dọa, xúc phạm đối với chị H1. Chị H1 đã nhiều lần bỏ qua cho anh H2 nhưng anh H2 vẫn không thay đổi. Hiện chị H1 phải về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã Ea Y, huyện K để ở. Theo biên bản xác minh ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại chính quyền địa phương xã Ea K (BL 36) thể hiện: “... *Quá trình bà Lê Thị Thúy H1 và ông Lê Văn H2 sinh sống tại địa phương thì bà H1, ông H2 có xảy ra mâu thuẫn. Ông H2 có hành vi bạo lực gia đình với bà H1 nên bà H1 đã về sinh sống cùng bố mẹ tại xã Ea Y, huyện K*”. Và theo biên bản xác minh ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Ea K (BL 35) thể hiện: “... *Quá trình bà Lê Thị Thúy H1 và ông Lê Văn H2 sinh sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn. Ông H2 có hành vi bạo lực gia đình nên bà H1 đã về sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Vợ chồng bà H1, ông H2 đã ly thân. Bà H1 đang sống cùng bố mẹ tại xã Ea Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk*”. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị H1 với anh H2 và theo các biên bản xác minh, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị H1 và anh H2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Thúy H1 yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Văn H2 là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy H1. Chị Lê Thị Thúy H1 được ly hôn với anh Lê Văn H2.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa chị H1 với anh H2 có 02 con chung là cháu Lê Hoàng H3, sinh ngày 07-9-2013 và cháu Lê Hoàng H4, sinh ngày 09-4-2016. Hiện các cháu H3, H4 còn nhỏ đang sống cùng với chị H1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

“2. *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, chị H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Hoàng H3 và Lê Hoàng H4 cho đến khi các cháu H3, H4 đủ

18 tuổi. Theo biên bản xác minh ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Ea K (BL 35) thể hiện: “*..Về khả năng nuôi con chung giữa bà H1 và ông H2: Hiện nay, bà H1 có công việc và thu nhập ổn định nên có khả năng nuôi con tốt hơn ông H2, do ông H2 không có công việc ổn định*”. Đồng thời, quá trình làm việc tại Tòa án chị H1 cung cấp cho Tòa án bằng lương và hợp đồng lao động của chị để chứng minh khả năng nuôi con của chị H1 sau khi ly hôn (BL 37-40). Còn anh Lê Văn H2 không chứng minh được khả năng nuôi con chung của mình sau khi ly hôn.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy: giao con chung là cháu Lê Hoàng H3, sinh ngày 07-9-2013 và cháu Lê Hoàng H4, sinh ngày 09-4-2016 cho chị Lê Thị Thúy H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp.

Anh Lê Văn H2 được quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh H2 thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị Thúy H1 không yêu cầu anh Lê Văn H2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chị Lê Thị Thúy H1 và anh Lê Văn H2 xác định anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Thúy H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy H1 được ly hôn với anh Lê Văn H2.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Hoàng H3, sinh ngày 07-9-2013 và cháu Lê Hoàng H4, sinh ngày 09-4-2016 cho chị Lê Thị Thúy H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H3, H4 tròn 18 tuổi.

Anh Lê Văn H2 được quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh H2 thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Thúy H1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Lê Thị Thúy H1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0007380 ngày 07 tháng 5 năm 2020.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Ea Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh